

Initial (声母)

Z_(i)

C_(i)

S_(i)

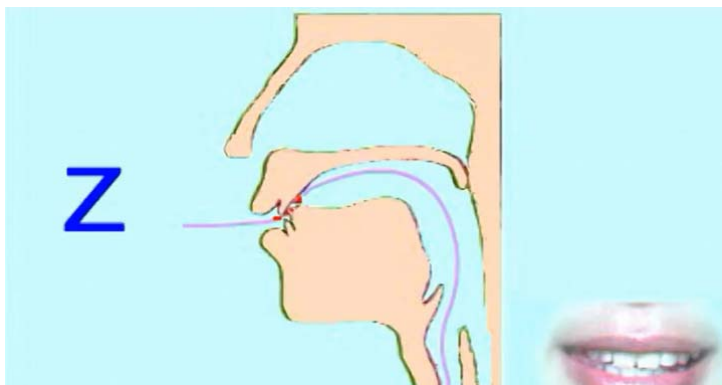
Z like “**ds**” in “**beds**” (unaspirated)

C like “**ts**” in “**cats**” (aspirated)

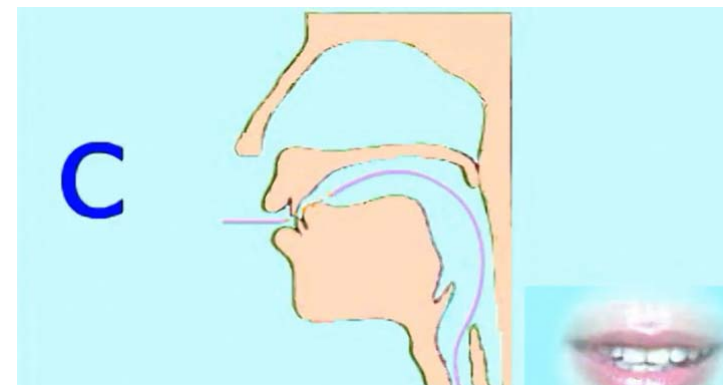
S pronounced the same as “**s**” in “**see**” in English

Initial (声母)

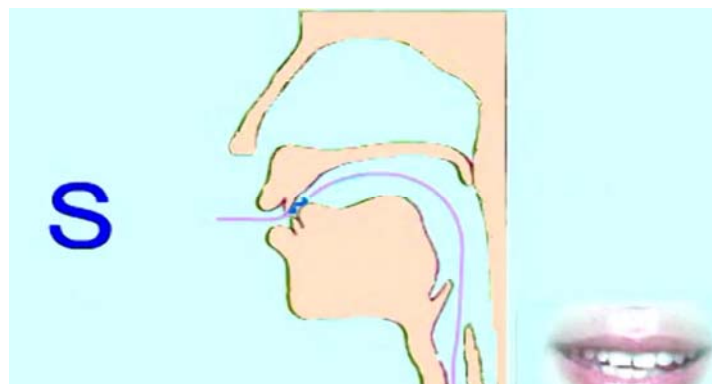
Z (i)



C (i)



S (i)



Final (韵母)

an



en



ang



eng



Practice (练习)

zān zán zǎn zàn
cān cán cǎn càn
sān sǎn sàn

zāng zǎng zàng
sāng sǎng sàng
cāng cáng

zěn zèn
cēn cén
sēn

cēng céng cèng
zēng zèng
sēng

Final (韵母)

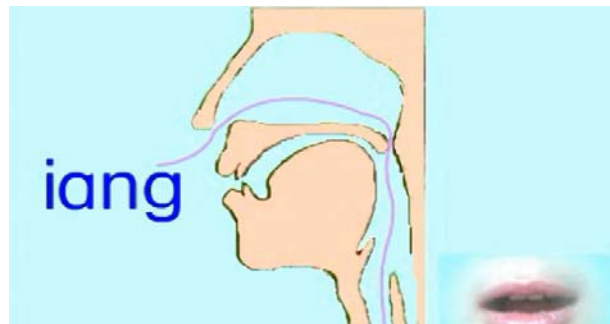
ian



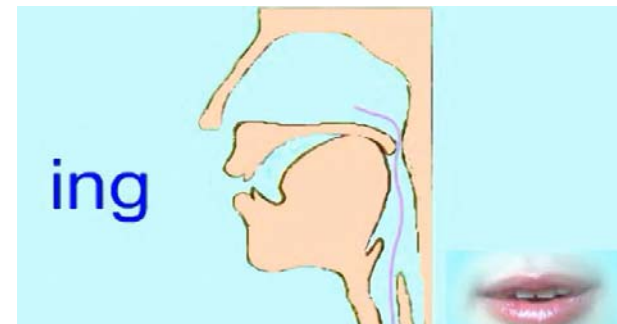
in



iang



ing



Practice (练习)

pīn pín pǐn pìn

xīn xín xǐn xìn

līn lín lǐn lìn

mián miǎn miàn

biān biǎn biàn

jiān jiǎn jiàn

yīng yíng yǐng yìng

xīng xíng xǐng xìng

tīng tíng tǐng tìng

qiāng qiáng qiǎng qiàng

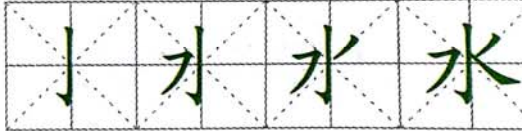
liáng liǎng liàng

jiāng jiǎng jiàng

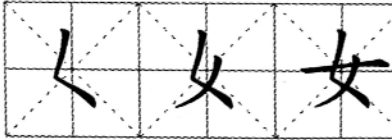
Characters (汉字)

笔画 Stroke	名称 Name	例字 examples
フ	横撇 (héng piě) horizontal to left-falling	水 shuǐ water 又 yòu again
く	撇点 (piě diǎn) left-falling to dot	女 nǚ female, woman 好 hǎo good, fine

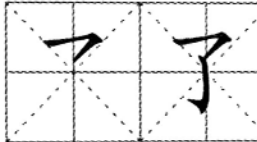
Single-Component Characters (认识独体字)

灬 → 氵 → 水 → 水 ^{shuǐ} 

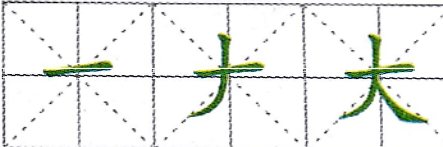
water

𡗗 → 𡗗 → 𡗗 → 女 ^{nǚ} 

female,
woman

亅 → 了 → 了 ^{le} 

function
word

亼 → 亼 → 大 → 大 ^{dà} 

big